

Số: *1135* /QĐ-BNN - XD

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học
nhằm giảm phát thải CO₂ do Chính phủ Đức tài trợ (KfW8)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3084/QĐ-BNN-HTQT ngày 10/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂ do Chính phủ Đức tài trợ (KfW8);

Căn cứ Hiệp định riêng ký ngày 10/12/2014 giữa Ngân hàng tái thiết nước Đức và nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét Tờ trình số 451/DALN-KfW8 ngày 18/3/2014 của Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 18 tháng đầu thực hiện của Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂ do Chính phủ Đức tài trợ (KfW8) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tài báo cáo thẩm định số: *327* /BC-XD-CD ngày *26* /3/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 18 tháng đầu thực hiện của Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂ do Chính phủ Đức tài trợ (KfW8) với nội dung chính như sau:

Bao gồm 36 gói thầu (Hàng hoá 25 gói thầu; Dịch vụ phi tư vấn: 02 gói thầu; Dịch vụ tư vấn 09 gói thầu) với giá trị là: 1.407.100 (Một triệu, bốn trăm linh bảy ngàn, một trăm Euro Tương đương 39,08 tỷ đồng Việt Nam / Tương đương 1,85 triệu USD), trong đó:

1. Ban Quản lý dự án Trung ương với giá trị: 25,71 tỷ đồng Việt Nam tương đương: 925,9 ngàn Euro tương đương 1,21 triệu USD (bao gồm: Hàng hoá 09 gói thầu; dịch vụ phi tư vấn 02 gói thầu; dịch vụ tư vấn 09 gói thầu).
2. Tỉnh Hà Giang với giá trị: 3,54 tỷ đồng Việt Nam tương đương: 127,4 ngàn Euro tương đương 0,17 triệu USD (bao gồm: Hàng hoá 04 gói thầu).
3. Tỉnh Lào Cai với giá trị: 2,75 tỷ đồng Việt Nam tương đương: 99 ngàn Euro tương đương 0,13 triệu USD (bao gồm: Hàng hoá 04 gói thầu).
4. Tỉnh Yên Bái với giá trị: 3,54 tỷ đồng Việt Nam tương đương: 127,4 ngàn Euro tương đương 0,17 triệu USD (bao gồm: Hàng hoá 04 gói thầu).
5. Tỉnh Lai Châu với giá trị: 3,54 tỷ đồng Việt Nam tương đương: 127,4 ngàn Euro tương đương 0,17 triệu USD (bao gồm: Hàng hoá 04 gói thầu).

Điều 2. Tên gói thầu, giá gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng: Xem phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này.

- Nguồn vốn:

+ Vốn ODA của Chính phủ Đức
+ Vốn đối ứng của chính phủ Việt Nam.

- Tại thời điểm tổ chức đấu thầu, chủ dự án chịu trách nhiệm lập, thẩm tra và trình cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định thiết kế, dự toán theo quy định để làm cơ sở xem xét phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (đề b/cáo);
- BQL các dự án Lâm nghiệp;
- Vụ TC, KH, HTQT;
- Lưu: VT, XD.



Hà Công Tuấn

Phụ lục: PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (18 tháng đầu thực hiện)
Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2 (KfW8)
 (Kèm theo Quyết định số **1135/QĐ-BNN-XD** ngày **08/4/2015** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: EUR

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	TAI CPMU		925.900						
1	Thiết bị văn phòng cho CPMU (đợt 1)	01HH-KFW8 - CPMU	28.100	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý II/2015	Trộn gói	1,5 tháng
2	Nội thất văn phòng cho CPMU	02HH-KFW8 - CPMU	14.100	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý II/2015	Trộn gói	1,5 tháng
3	Trang thiết bị cho Ban quản lý rừng phòng hộ	03HH-KFW8 - CPMU	30.200	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	2,5 tháng
4	Thiết bị văn phòng cho CPMU (đợt 2)	04HH-KFW8 - CPMU	21.400	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	1,5 tháng
5	Thiết bị kỹ thuật cho CPMU, PPMU, DPMU	05HH-KFW8 - CPMU	51.000	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	2,5 tháng
6	Tài liệu phổ cập	06HH-KFW8 - CPMU	12.600	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	2 tháng
7	Thiết bị kỹ thuật cho Khu bảo tồn	07HH-KFW8 - CPMU	29.000	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trộn gói	2,5 tháng
8	Lịch tuyên truyền năm 2016	08HH-KFW8 - CPMU	7.600	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trộn gói	2 tháng
9	Thiết bị lâm sinh	09HH-KFW8 - CPMU	20.200	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý II/2016	Trộn gói	2,5 tháng
10	Phần mềm kế toán	01PTV-KFW8 - CPMU	9.500	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trộn gói	2,5 tháng
11	Phim tuyên truyền dự án	02PTV-KFW8 - CPMU	56.500	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý II/2015	Trộn gói	5 tháng
12	Sổ tay hướng dẫn tài chính	01TV-KFW8 - CPMU	14.500	Vốn Đ.ư	Chỉ định thầu	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý II/2015	Trộn gói	2,5 tháng
13	Sổ tay hướng dẫn đấu thầu	02TV-KFW8 - CPMU	21.500	Vốn Đ.ư	Chỉ định thầu	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý II/2015	Trộn gói	3,5 tháng

044

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
14	Điều tra đa dạng sinh học	03TV-KFW8-CPMU	98.900	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Đấu thầu rộng rãi trong nước	1 giai đoạn 2 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	6 tháng
15	Thu thập dữ liệu ban đầu	04TV-KFW8-CPMU	31.500	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Đấu thầu rộng rãi trong nước	1 giai đoạn 2 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	6 tháng
16	Kiểm kê rừng tại Lai Châu	05TV-KFW8-CPMU	95.600	Vay CP Đức và Đ.ư	Đấu thầu rộng rãi trong nước	1 giai đoạn 2 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	16 tháng
17	Quá trình quy hoạch giao lại rừng tự nhiên	06TV-KFW8-CPMU	20.200	Vay CP Đức và Đ.ư	Đấu thầu rộng rãi trong nước	1 giai đoạn 2 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trọn gói	60 tháng
18	Giám sát đa dạng sinh học và điều tra tác động	07TV-KFW8-CPMU	291.700	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Đấu thầu rộng rãi quốc tế	1 giai đoạn 2 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trọn gói	72 tháng
19	Kiểm toán Báo cáo tài chính	08TV-KFW8-CPMU	61.700	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Đấu thầu rộng rãi trong nước	1 giai đoạn 2 túi hồ sơ	Quý I/2016	Trọn gói	69 tháng
20	Xây dựng Mô hình rừng bền vững	09TV-KFW8-CPMU	10.100	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Chỉ định thầu	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý I/2016	Trọn gói	5 tháng
II	TẠI PPMU HÀ GIANG		127.400						
1	Thiết bị văn phòng cho PPMU, DPMU (đợt 1)	01HH-KFW8-HG	35.100	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	2 tháng
2	Nội thất văn phòng cho PPMU, DPMU	02HH-KFW8-HG	11.700	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	2 tháng
3	Xe máy	03HH-KFW8-HG	44.100	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	2 tháng
4	Thiết bị văn phòng cho PPMU, DPMU (đợt 2)	04HH-KFW8-HG	36.500	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trọn gói	2 tháng
III	TẠI PPMU LÀO CAI		99.000						
1	Thiết bị văn phòng cho PPMU, DPMU (đợt 1)	01HH-KFW8-LC	28.100	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	2 tháng
2	Nội thất văn phòng cho PPMU, DPMU	02HH-KFW8-LC	9.400	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	2 tháng
3	Xe máy	03HH-KFW8-LC	33.100	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trọn gói	2 tháng
4	Thiết bị văn phòng cho PPMU, DPMU (đợt 2)	04HH-KFW8-LC	28.400	Viện trợ CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trọn gói	2 tháng

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
IV	TẠI PPMU YÊN BÁI		127.400						
1	Thiết bị văn phòng cho PPMU, DPMU (đợt 1)	01HH-KFW8-YB	35.100	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	2 tháng
2	Nội thất văn phòng cho PPMU, DPMU	02HH-KFW8-YB	11.700	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	2 tháng
3	Xe máy	03HH-KFW8-YB	44.100	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trộn gói	2 tháng
4	Thiết bị văn phòng cho PPMU, DPMU (đợt 2)	04HH-KFW8-YB	36.500	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trộn gói	2 tháng
V	TẠI PPMU LAI CHÂU		127.400						
1	Thiết bị văn phòng cho PPMU, DPMU (đợt 1)	01HH-KFW8-LCh	35.100	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	2 tháng
2	Nội thất văn phòng cho PPMU, DPMU	02HH-KFW8-LCh	11.700	Vốn Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	2 tháng
3	Xe máy	03HH-KFW8-LCh	44.100	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trộn gói	2 tháng
4	Thiết bị văn phòng cho PPMU, DPMU (đợt 2)	04HH-KFW8-LCh	36.500	Vay CP Đức và Đ.ư	Chào hàng cạnh tranh	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV/2015	Trộn gói	2 tháng
	Tổng cộng		1.407.100	(Một triệu, bốn trăm linh bảy ngàn, một trăm Euro)					
(Tương đương 39,08 tỷ đồng Việt Nam / Tương đương 1,85 triệu USD)									

*** Ghi chú:**

- CPMU: Ban quản lý dự án Trung ương.
- PPMU: Ban quản lý dự án tỉnh.
- DPMU: Ban quản lý dự án huyện.
- Đ.ư: Vốn đối ứng
- Vay CP Đức và Đ.ư: Vốn vay của Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.
- Viện trợ CP Đức và Đ.ư: Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Cộng hòa LB Đức và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.

CPMU và PPMU có trách nhiệm phối hợp trình Ngân hàng tái thiết Đức (KfW) xem xét quá trình tổ chức đấu thầu theo quy định của nhà tài trợ

